TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/**2018/HNGĐ - ST
Ngày: 22-5-2018
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông **K'Đim**
2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ninh Khắc Phong** - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên tòa*: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phan Văn L**, sinh năm: 1971;
Địa chỉ: Đường P, thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm: 1973;
Địa chỉ: đường A, thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà D có mặt, ông L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn đơn khởi kiện ngày 26/02/2018 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phan Văn L trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Thùy D sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã tổ chức lễ cưới vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, ông bà chung sống tại thị trấn Th, huyện Đ. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vấn đề làm ăn kinh tế, tiền bạc và do bà D hay ghen tuông nên vợ chồng xảy ra xích mích, đánh chửi nhau dẫn đến cuộc sống chung căng thẳng, nặng nề. Hiện nay ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông đề nghị Toà án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông với bà D.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Bà thừa nhận về thời gian vợ chồng tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, quá trình sống chung nhưng không đăng ký kết hôn như ông L trình bày là đúng sự thật. Sau khi cưới, ông bà chung sống tại thị trấn Th, huyện Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do ông L có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Mặc dù, bà đã tha thứ, bỏ qua và khuyên bảo nhiều lần nhưng ông L không chấm dứt nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ cuối năm 2017, ông L đã dọn ra ở chỗ khác nên vợ chồng ly thân từ đó. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên bà cũng thống nhất đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L với bà.

Về con chung: Ông L và bà D cùng xác nhận có ba người con chung là anh Phan Văn N, sinh ngày 18/7/1992; chị Phan Thị Thúy V, sinh ngày 15/8/1996 và cháu Phan Thị Thảo M, sinh ngày 18/3/2009. Hiện nay anh N, chị V đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết. Đối với cháu M thì ông bà thống nhất giao cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị Thùy D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị Thùy D xác nhận không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải về con chung, tài sản chung. Riêng về quan hệ hôn nhân, do ông L và bà D chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông L vắng mặt, còn bị đơn bà D vẫn giữ nguyên ý kiến của mình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L và bà; về con chung do anh N, chị V đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết, đối với cháu M thì yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung thì tự thỏa thuận và không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Văn L với bà Nguyễn Thị Thùy D.

Về con chung: Giao cháu Phan Thị Thảo M cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa

thuận, nên không đề cập. Đối với anh Phan Văn N, chị Phan Thị Thúy V do đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Do không có nợ chung nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông L và bà D chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*"; bị đơn bà D có địa chỉ cư trú tại thị trấn Th, huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông L và bà D chung sống với nhau từ năm 1991, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn (*theo Biên bản xác minh ngày 18/5/2018 tại UBND thị trấn Th, huyện Đ*). Tòa án đã phân tích, động viên để các bên trở về đoàn tụ và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng các bên đều xác định quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ vợ chồng giữa ông và bà D thì về phía bà D cũng đồng ý. Do ông L và bà D chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn, đến nay quan hệ tình cảm giữa các bên thực sự không còn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông L với bà D.

- *Về con chung*: Ông L và bà D cùng xác nhận có ba người con chung là anh Phan Văn N, sinh ngày 18/7/1992; chị Phan Thị Thúy V, sinh ngày 15/8/1996 và cháu Phan Thị Thảo M, sinh ngày 18/3/2009. Hiện nay anh N, chị V đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết. Đối với cháu M thì ông L và bà D cùng thống nhất giao cho bà D được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Thỏa thuận nuôi con chung này của ông L với bà D cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thảo M là muốn được ở với mẹ (*biên bản lấy lời khai ngày 29/3/2018 - bút lục 22*). Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Thảo M cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con ông L, bà D tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

- *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- *Về nợ chung*: Hai bên không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn ông L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn bà D không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36; Điều 39; Điều 146, 147, 205, 206, 220, 227, 228, 262, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn L với bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy D.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Văn L với bà Nguyễn Thị Thùy D.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Thảo M, sinh ngày 18/3/2009 cho bà Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh Phan Văn N, sinh ngày 18/7/1992 và chị Phan Thị Thúy V, sinh ngày 15/8/1996 đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Ông Phan Văn L phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004911 ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương (ông L đã nộp đủ). Bà Nguyễn Thị Thùy D không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận*

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Luyện Thanh Sơn